

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA ĐÔ THỊ HỌC



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KHOA ĐÔ THỊ HỌC
GIAI ĐOẠN 2016 – 2020
TẦM NHÌN 2030

TP. HỒ CHÍ MINH THÁNG 01 NĂM 2016

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN A. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Thông tin chung

1.1 Tên đầy đủ:

- Tên tiếng Việt: Khoa Đô thị học
- Tên tiếng Anh: Faculty of Urban Studies

1.2 Tên viết tắt:

- Tên tiếng Việt: FUS
- Tên tiếng Anh: FUS

1.3. Cơ quan chủ quản:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

1.4. Thông tin liên lạc:

- Phòng K105, 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08.62.860.679
- Website: dothi.hcmussh.edu.vn
- Email: dothihoc@hcmussh.edu.vn

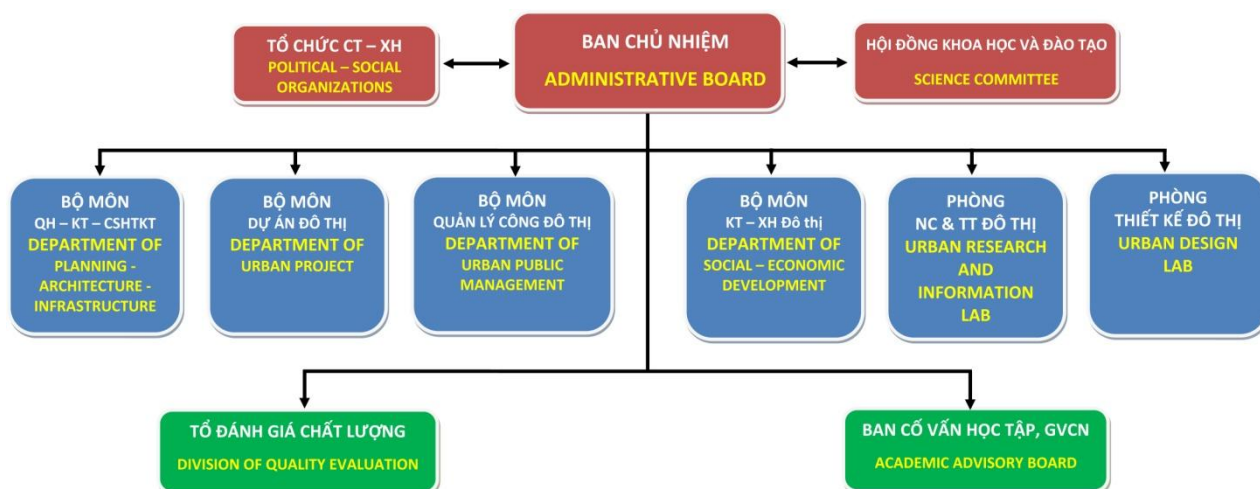
2. Lịch sử hình thành và phát triển

- Bộ môn Đô thị học được thành lập vào ngày 18/4/2007 theo quyết định số 70/QĐ-TCHC của Hiệu trưởng. Ngày 14/12/2012 Bộ môn được nâng cấp thành Khoa Đô thị học theo quyết định số 1434/QĐ-ĐHQG-TCCB của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Sau 6 năm hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế, Khoa Đô thị học đã xác lập được vị thế không chỉ trong nước mà còn trong khu vực Châu Á. Khoa đã đào tạo được 4 khoá ra trường với 260 cử nhân (2008-2012; 2009-2013; 2010-2014; 2011-2015), tín hiệu từ thị trường cho thấy các cử nhân đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường và được xã hội chào đón.

- Lượng thí sinh thi đầu vào ngày càng tăng đều đặn về số lượng và chất lượng, ngay từ khóa 1 (2008-2012) đã có 420 sinh viên dự tuyển và các năm sau đó là 470, 520, 550, 570 và khóa 6 (2013 -2017) là 620 sinh viên, điểm tuyển đầu vào từ 14.5 khối D1 và 14 khối A thì này đã tăng lên 19 điểm cho khối D1 và 18.5 cho khối A.
- Số cử nhân ra trường có nhu cầu được đào tạo ở bậc cao hơn ngày càng tăng, hiện nay đã có nhiều cử nhân theo học cao học ở nước ngoài và ở trường Đại học Việt - Đức, hơn thế nữa số lượng cán bộ trong bộ máy công quyền, các chuyên gia trong các tổ chức chính trị xã hội, các nhân sự trong các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển đô thị (qui hoạch, kiến trúc, quản lý đô thị, quản lý dự án,...) có nhu cầu được đào tạo ở bậc cao học và tiến sĩ theo ngành đô thị học.
- Sau 8 năm hoạt động khoa đã xây dựng được đội ngũ cán bộ cơ hữu của khoa, của trường và các giáo viên thỉnh giảng đủ sức đảm nhiệm đào tạo sau đại học, trong đó 15 cán bộ cơ hữu đang làm việc trong trường và 8 cán bộ thỉnh giảng.
- Khoa Đô thị học có thư viện chuyên ngành với hơn 400 đầu sách, hàng chục tạp chí và hồ sơ đào tạo (bản đồ, bản vẽ, hồ sơ công trình, mô hình thực nghiệm) đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cơ bản và các thông tin mới luôn cập nhật cho việc đào tạo sau đại học. Khoa là thành viên của nhiều mạng lưới đô thị quốc tế cho nên thường xuyên nhận được sự hỗ trợ tích cực từ bên ngoài về giáo trình, tài liệu, thông tin và nhân lực chất lượng cao.
- Ngoài cơ sở vật chất của nhà trường đang có sẵn, khoa đang quản lý 2 phòng đào tạo chức năng chuyên biệt là phòng Nghiên cứu - Thông tin Đô thị và phòng Thiết kế - Thực hành Đô thị đặt tại phường Linh Trung quận Thủ Đức.

3. Cơ cấu tổ chức, nhân sự

3.1. Cơ cấu tổ chức



3.2. Nhân sự

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	TS. Trương Hoàng Trương	Trưởng Khoa, giảng viên, biên chế	Trưởng BM Dự án đô thị
2.	ThS. Nguyễn Hoàng Mỹ Lan	Phó Trưởng Khoa, giảng viên, biên chế	Đang làm Nghiên cứu sinh tại ĐH Bách Khoa
3.	ThS. Nguyễn Hải Nguyên	Phó Trưởng Khoa, giảng viên, biên chế	
4.	PGS.TS Nguyễn Minh Hòa	Giảng viên, biên chế	Trưởng BM Kinh tế xã hội đô thị
5.	TS. Sơn Thanh Tùng	Giảng viên, biên chế	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ năm 2015 Trưởng BM Quản lý công và chính sách đô thị
6.	TS. Nguyễn Phương Nga	Giảng viên, biên chế	Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ năm 2015 Trưởng BM Quy hoạch Kiến trúc – Kỹ thuật CSHT
7.	ThS. Ngô Lan Phương	Thư ký, giáo vụ, biên chế	

8.	ThS. Nguyễn Diệp Quý Vy	Giảng viên, biên chế	Học NCS tại Úc từ tháng 02/2016 đến 2020
9.	ThS. Trương Nguyễn Khải Huyền	Giảng viên, biên chế	Học NCS tại Úc từ tháng 4/2013 đến 2017
10.	ThS. Đặng Nguyễn Thiên Hương	Giảng viên, biên chế	
11.	ThS. Trần Thị Ngọc Nhờ	Giảng viên, biên chế	
12.	ThS.KTS Phùng Hải Đăng	Giảng viên, biên chế	
13.	ThS. Nguyễn Chí Tâm	Giảng viên, biên chế	Học NCS tại Canada từ tháng 03/2015 đến 01/2019
14.	ThS. Trương Thanh Thảo	Giảng viên, biên chế	
15.	CN. Lê Thị Thanh Tuyền	Chuyên viên, hợp đồng	Đang học thạc sĩ tại Khoa Đô thị học dự kiến bảo vệ 03/2016
16.	CN. Bùi Hoàng Việt	Chuyên viên, hợp đồng	Trưởng phòng Thiết kế và thực hành Đô thị Đang học thạc sĩ tại Khoa Đô thị học dự kiến bảo vệ 03/2016
17.	CN. Phan Đình Bích Vân	Chuyên viên, hợp đồng	Trưởng phòng Nghiên cứu và thông tin đô thị Đang học thạc sĩ tại Khoa Đô thị học dự kiến bảo vệ 03/2016
18.	ThS. Nguyễn Bình Minh	Giảng viên, hợp đồng	
19.	CN. Trần Thị Hương	Chuyên viên, hợp đồng	
20.	CN. Đoàn Diệp Thùy Dương	Chuyên viên, hợp đồng	Đang học thạc sĩ tại Khoa Đô thị học dự kiến bảo vệ 03/2016
21.	CN. Nguyễn Văn Quốc Thái	Chuyên viên, hợp đồng	Học Thạc sĩ tại Hà Lan đến 10/ 2016

3.3.Hội đồng khoa học

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	PGS.TS. Nguyễn Minh Hòa	Chủ tịch Hội đồng
2.	ThS. Nguyễn Hải Nguyên	Thư ký Hội đồng
3.	ThS.KS. Nguyễn Hoàng Mỹ Lan	Thành viên
4.	TS. Trương Hoàng Trương	Thành viên
5.	TS. Sơn Thanh Tùng	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Phương Nga	Thành viên
7.	ThS. Phùng Hải Đăng	Thành viên
8.	TS. Phạm Gia Trân	Thành viên
9.	TS. Nguyễn Hữu Nguyên	Thành viên
10.	TS. Lê Thị Hồng Na	Thành viên

4. Quy mô đào tạo

4.1.Đại học

Mỗi năm chỉ tiêu tuyển sinh của Khoa Đô thị học là 70 sinh viên

4.2.Sau đại học

Mỗi năm trung bình khoa tuyển sinh được 10 học viên cao học

PHẦN B: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2015**Chương trình 1. Phát triển nguồn nhân lực**

1.1. Thành tựu:

Số lượng cán bộ của Khoa Đô thị học tính tới tháng 12/2015 là 21 người, vượt mục tiêu về số lượng cán bộ được đặt ra trong giai đoạn trước, Trong đó:

- **06** Đảng viên chính thức, hoàn thiện hồ sơ xét kết nạp Đảng cho **04** quần chúng ưu tú.

- Về trình độ chuyên môn: **01** PGS.TS, **03** Tiến sĩ, **11** Thạc sĩ (**03** đang học NCS), **06** Cử nhân.
- Về độ tuổi: trên 35 tuổi – **04** người, dưới 35 tuổi – **17** người.
- Về giới tính: **07** nam và **14** nữ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên đều đạt tiêu chuẩn, chức danh so với quy định. Hiện nay, 100% giảng viên của Khoa đạt trình độ chuyên môn sau đại học, đáp ứng tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.2. Hạn chế:

Số lượng cán bộ có trình độ Tiến sĩ vẫn chưa đạt được như mục tiêu mong muốn.

Chương trình 2. Đào tạo

2.1. Thành tựu:

- Tính đến tháng 12/2015, Khoa Đô thị học đào tạo được hơn 450 sinh viên trong đó, số sinh viên tốt nghiệp tính cho 4 khóa là 227 sinh viên (chiếm tỷ lệ 90%).
- Chương trình đào tạo đang dần đi vào ổn định với 140 tín chỉ cho toàn khóa học.
- Triển khai thường xuyên các chương trình kiến tập và thực tập tốt nghiệp nhằm tăng thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tế, kinh nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên.
- Tổ chức khá tốt chương trình thực tập tốt nghiệp với địa chỉ mà sinh viên lựa chọn nhiều nhất là cơ quan quản lý nhà nước về đô thị ở các cấp.
- Duy trì hoạt động của Phòng Nghiên cứu và Thông tin Đô thị và Phòng Thiết kế và Thực hành Đô thị một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc tìm kiếm tài liệu và thực hành chuyên môn.
- Thường xuyên và liên tục tạo sân chơi mang tính học thuật cho sinh viên.

2.2. Hạn chế:

- Cần chú trọng hơn việc sinh hoạt chuyên môn của các Bộ môn thuộc Khoa
- Cần tham gia trao đổi chuyên môn giữa các đơn vị trong và ngoài trường

Chương trình 3. Nghiên cứu khoa học

3.1. Thành tựu

- Tổ chức Hội nghị Khoa học sinh viên vào tháng 4 hàng năm với số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên tính đến tháng 8/2015: 36 đề tài (26/36 đề tài được đánh giá từ 80/100 điểm trở lên).
- Thành tích nổi bật: Giải nhì trong công tác tổ chức hoạt động NCKH sinh viên dành cho tập thể Khoa năm 2012, Giải nhất NCKH sinh viên cấp trường năm 2012, tuyên dương giảng viên hướng dẫn cho đề tài NCKH sinh viên đạt giải

nhất, tuyên dương nhóm NCKH sinh viên đạt giải cao trong cuộc thi Holcim Prize năm 2012...

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên cũng được tiếp tục duy trì và dần nâng cao chất lượng nghiên cứu ở các cấp như cấp cơ sở, cấp đại học quốc gia.
- Tổ chức thành công các hội thảo trong và ngoài nước, các buổi báo cáo chuyên đề cho giảng viên và sinh viên.
- Xuất bản 01 quyển sách "Urban Sustainable Development Opportunities – Challenges".

3.2. Hạn chế

Các báo cáo khoa học, bài đăng tạp chí phong phú nhưng không đồng đều giữa các giảng viên cũng như giữa các năm, tập trung ở một số giảng viên kỳ cựu; số lượng giảng viên không tham gia NCKH còn nhiều.

Chương trình 4. Hợp tác quốc tế

4.1. Thành tựu:

- Tham gia các mạng lưới phát triển đô thị của Châu Á Thái Bình Dương, Đại học Chulalongkorn (Thái Lan), Đại học Yokohama (Nhật Bản)...
- Cử đoàn cán bộ giảng viên và sinh viên tham gia hội thảo tại các nước trong khu vực.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên tham dự hội thảo nước ngoài
- Mời các chuyên gia nước ngoài báo cáo chuyên đề cho giảng viên và sinh viên.

4.2. Hạn chế

- Hợp tác quốc tế còn hạn chế, chỉ trong phạm vi của khu vực
- Chưa phát huy vai trò của từng cá nhân trong việc hợp tác và giao lưu quốc tế

Chương trình 5. Công tác chính trị - tư tưởng, công tác sinh viên và xây dựng văn hóa đại học

5.1. Thành tựu:

- Phối hợp với Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên tổ chức các hoạt động tiếp đón tân sinh viên các khóa.
- Hỗ trợ sinh viên, Đoàn Khoa và Chi hội Khoa tham gia các hoạt động do Đoàn Trường và Hội sinh viên trường tổ chức
- Duy trì tổ chức thường xuyên Hội trại truyền thống của Khoa.
- Xếp loại công tác sinh viên trong các năm đều đạt từ mức Tốt trở lên.

5.2. Hạn chế

- Chương trình chưa phong phú để thu hút sinh viên tham gia
- Chưa kết nối với các khoa trong trường để tăng cường giao lưu

Chương trình 6. Cơ sở vật chất, tài chính**6.1. Thành tựu**

Khoa có 02 phòng chức năng: Phòng Nghiên cứu và Thông tin Đô thị (đưa vào hoạt động năm 2011) và Phòng Thiết kế và Thực hành đô thị (đưa vào hoạt động năm 2014). Cả 2 phòng có số lượng máy móc và thiết bị đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên; có cán bộ phụ trách chính; hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thực hiện đúng các quy định về tài chính.

6.2. Hạn chế

Chưa khai thác hết công năng của phòng

Chương trình 7. Quản trị đại học, đảm bảo chất lượng**7.1. Thành tựu*****Rà soát và điều chỉnh chương trình giáo dục***

Khoa đã triển khai:

- Rà soát và điều chỉnh các đề cương chi tiết các môn chuyên ngành theo mẫu AUN;
- Bổ sung và sửa đổi các môn học/tên môn học, số tín chỉ, mã môn học;
- Điều chỉnh chuẩn đầu ra cho môn học và Chương trình đào tạo.

Xem xét và điều chỉnh quá trình đào tạo

Khoa có:

- Thực hiện đầy đủ kế hoạch dự giờ và khảo sát môn học theo kế hoạch gửi Phòng KT&ĐBCL;
- Thực hiện nghiêm túc việc ra đề thi, chấm thi và trả điểm thi;
- Xử lý kịp thời các phản hồi có liên quan do Phòng KT&ĐBCL cung cấp;

Theo dõi và điều chỉnh công tác hỗ trợ-phục vụ người học

Khoa chủ động thực hiện:

- Công tác cố vấn học tập, công tác chủ nhiệm, giờ tiếp sinh viên...;
- Công tác hoạt động ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, huấn luyện kỹ năng mềm thông qua các hoạt động thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp, tư vấn thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn viết báo cáo NCKH, hướng dẫn kỹ năng viết báo.
- Thông qua website chính thức của Khoa và Phòng Nghiên cứu và thực hành đô thị, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về các quy chế, hướng dẫn, dịch vụ, trang thiết bị học tập, hỗ trợ đời sống;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nhân viên hỗ trợ

- Tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Cập nhật cơ sở dữ liệu cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị; rà soát và chỉnh sửa các quy trình hoạt động cốt lõi và biểu mẫu của đơn vị

Khoa có:

- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị được tổ chức lưu trữ khoa học, an toàn và thuận tiện tra cứu;
- Các báo cáo định kỳ cho nhà trường về hoạt động của đơn vị được thực hiện đầy đủ và kịp thời, được lưu trữ đầy đủ và tiện truy xuất khi cần;
- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị được định kỳ soát xét và chỉnh lý để phù hợp với yêu cầu công tác;

7.2. Hạn chế

- Nhân sự đơn vị luôn biến động do cán bộ đi học ở nước ngoài, cán bộ trẻ đang theo học chương trình cao học tại trường.

PHẦN C: KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2016-2020, TẦM NHÌN 2030**I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH****1.1. Bối cảnh****1.1.1. Quốc tế và khu vực**

Nghiên cứu về đô thị, cụ thể là ngành Đô thị học đang được các khoa, trường đại học trên thế giới tập trung nghiên cứu trong thời điểm hiện tại và có thể phát triển mạnh mẽ trong tương lai. Các học giả trên thế giới và trong khu vực đã kết hợp lại để hình thành các mạng lưới nghiên cứu về đô thị với quy mô và chất lượng cao. Đây là điều kiện thuận lợi để ngành Đô thị học của nhà Trường tiếp cận, học hỏi và trao đổi, hợp tác với các khoa, trường cũng như học giả trên toàn thế giới và khu vực. Điều này phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực, kể cả lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.1.2. Trong nước

Mặc dù đi trước trong việc mở ngành Đô thị học trong nước, nhưng hiện nay việc đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực này đang gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ của ngày càng nhiều khoa, trường đại học trong cả nước. Hơn nữa, việc cấp mã ngành nghề đào tạo trình độ cấp IV đối với ngành Đô thị học hiện nay vẫn chưa đạt được kết quả cụ thể, điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều trong việc đáp ứng các điều kiện tuyển dụng của sinh viên tốt nghiệp từ ngành Đô thị học.

1.2. Cơ hội và thách thức

1.2.1. Điểm mạnh

- Chủ trương phát triển theo hướng đại học nghiên cứu của nhà trường đã được xây dựng và tạo điều kiện cho các khoa nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cả giảng viên và sinh viên.
- Đội ngũ cán bộ của Khoa có trình độ chuyên môn từ nhiều lĩnh vực khác nhau, điều này hỗ trợ rất tốt trong định hướng đào tạo mang tính liên ngành của Khoa.
- Khoa có quan hệ đối ngoại tốt với các cơ quan, khoa/trường đại học, viện nghiên cứu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa.
- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Khoa được đầu tư xây dựng đầy đủ và hoạt động hiệu quả.
- Hoạt động đảm bảo chất lượng và hướng đến kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AQN-QA được Khoa xác định và thực hiện nghiêm túc.

1.2.2. Điểm yếu

- Chưa thu hút được học viên tham gia vào chương trình sau đại học.
- Khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường quốc tế của giảng viên, sinh viên chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao.

1.2.3. Cơ hội

- Có được sự quan tâm, tạo điều kiện phát triển giáo dục đại học của nhà trường và của Đại học Quốc gia.
- Xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng, đặc biệt sau khi hành thành cộng đồng ASEAN 2015 đã tạo điều kiện cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng dạy, như hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học.

1.2.4. Thách thức

- Bối cảnh cạnh tranh trong đào tạo ngành Đô thị học của các khoa và trường trong cả nước.
- Chính sách phát triển chung cho ngành giáo dục hiện nay còn nhiều bất cập.
- Xã hội nói chung và thị trường lao động nói riêng chưa đánh giá đúng vai trò của Cử nhân ngành Đô thị học.
- Giảng viên chưa mạnh dạn tiếp cận các phương pháp dạy và học mới, có khả năng nâng cao năng lực của người học.

II. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU

2.1. Tầm nhìn

Khoa Đô thị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn là khoa đào tạo liên ngành và nghiên cứu ngang tầm với các khoa/trường có đào tạo ngành Đô thị học trong khu vực.

2.2. Sứ mạng

- Cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với định hướng phát triển đô thị trong cả nước.
- Hình thành và thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu có khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu chất lượng cao.

2.3. Mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2016-2020

Có những đột phá chiến lược về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên và đảm bảo chất lượng.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Chương trình Phát triển nguồn nhân lực

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ giảng viên, chuyên viên khoa Đô Thị Học đáp ứng yêu cầu công tác đào tạo theo yêu cầu của trường đại học định hướng nghiên cứu và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ giảng viên có trình độ cao được đào tạo ở các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến.

1.3. Nhóm giải pháp

- Nâng số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ.
- Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài nước.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học
- Tăng cường giao lưu, trao đổi học thuật thông qua các báo cáo chuyên đề trong nước và quốc tế.

1.4. Các chỉ tiêu

- Tiến sĩ của khoa đến năm 2020 là 8 tiến sĩ, 1 phó giáo sư
- Đến năm 2020 phấn đấu 12 sinh viên/giảng viên

2. Chương trình Đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của xã hội và hội nhập trong khu vực.

2.2. Đại học

2.2.1. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh và công tác đào tạo, quản lý đào tạo.
- Đa dạng hóa loại hình đào tạo
- Tăng cường đội ngũ giảng viên có trình độ
- Tăng cường các hoạt động trao đổi học thuật của sinh viên trong khoa với sinh viên quốc tế
- Đào tạo gắn với thực tiễn đáp ứng nhu cầu của xã hội
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở cấp trường, cấp thành phố

2.2.2. Nhóm giải pháp

- Chuẩn hóa chương trình đào tạo đại học theo hướng tiên tiến, đáp ứng chuẩn đầu ra, nâng cao kiến thức – kỹ năng – thái độ cho người học.
- Rà soát và chuẩn hóa chương trình đào tạo sau đại học.
- Đa dạng hóa các hệ và loại hình đào tạo.
- Cải tiến phương pháp dạy và học tích cực, tạo điều kiện để người học phát triển tốt nhất năng lực.
- Đảm bảo tư liệu học tập, không gian học tập và môi trường học tập thuận lợi.
- Đẩy mạnh công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo.

2.2.3. Các chỉ tiêu

- Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo tiêu chí của AUN-QA
- Điều chỉnh chương trình đào tạo đại học
- Xây dựng đề cương chi tiết môn học theo mẫu AUN-QA
- Đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA
- Tuyển sinh hệ vừa làm vừa học

2.3. Sau đại học

2.3.1. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh và công tác đào tạo, quản lý đào tạo
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên
- Xây dựng đề án đào tạo tiến sĩ

2.3.2. Giải pháp

- Triển khai chương trình cụ thể ở các đơn vị có chuyên môn liên quan đến ngành học, phòng quản lý đô thị ở thành phố/tỉnh, quận/huyện, phường/xã.
- Điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học sau thời gian đào tạo thí điểm.

2.3.3. Các chỉ tiêu

- Chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ trung bình 10 học viên/năm
- Đến 2020 tiến hành tuyển sinh khóa đầu tiên của chương trình tiến sĩ

3. Chương trình Nghiên cứu khoa học

3.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Có chính sách khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường, đại học quốc gia và các tổ chức khoa học khác
- Xây dựng nhóm nghiên cứu

3.3. Nhóm giải pháp

- Tăng tỷ lệ giảng viên tham gia báo cáo khoa học ở các hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế.
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học
- Gia tăng tỷ lệ giảng viên tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học các cấp.
- Tăng số lượng công bố khoa học của giảng viên.
- Tổ chức hội thảo cấp trường/cấp quốc gia và quốc tế.
- Tăng số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học sinh viên.

3.4. Các chỉ tiêu

- Tăng tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học các cấp
- Tăng số lượng công bố khoa của giảng viên hằng năm

4. Chương trình Hợp tác quốc tế

4.1. Mục tiêu chung

Tăng cường kết nối, hội nhập, trao đổi với các trường trong khu vực và quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng và tăng cường hợp tác toàn diện về nghiên cứu đô thị của các tổ chức, các diễn đàn đô thị trong khu vực
- Mời chuyên gia trao đổi học thuật

4.3. Nhóm giải pháp

- Tăng số lượng trao đổi sinh viên, giảng viên với các trường trong khu vực

- Tăng số lượng giảng viên học nâng cao trình độ ở nước ngoài
- Tích cực mời các học giả nước ngoài báo cáo chuyên đề cho sinh viên và cán bộ khoa
- Tổ chức hội thảo quốc tế
- Tăng số lượng bài viết cho các hội thảo quốc tế của giảng viên
- Tăng số lượng tham gia mạng lưới nghiên cứu đô thị quốc tế

4.4. Các chỉ tiêu

- Số lượng trao đổi giảng viên với các trường trong khu vực
- Tăng số lượng trao đổi sinh viên với các trường trong khu vực
- Số lượng báo cáo chuyên đề của các học giả nước ngoài cho sinh viên và cán bộ khoa
- Tổ chức hội thảo quốc tế 2 năm 1 lần
- Số lượng bài viết cho các hội thảo quốc tế của giảng viên

5. Chương trình Công tác chính trị - tư tưởng, Công tác sinh viên và Xây dựng văn hoá đại học

5.1. Mục tiêu chung

Nâng cao bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng niềm tin góp phần tạo sự thống nhất đồng thuận, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của mỗi sinh viên.

Xây dựng hình mẫu sinh viên Khoa Đô thị học

5.2. Công tác chính trị - tư tưởng

5.2.1. Mục tiêu cụ thể

Tổ chức nhiều chương trình thiết thực gắn với thực tế nhằm gắn kết và nâng cao bản lĩnh sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

5.2.2. Nhóm giải pháp

- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong việc chỉ đạo, tổ chức phong trào SV tình nguyện và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong SV.
- Định kỳ tiếp xúc với sinh viên để tiếp nhận ý kiến đóng góp và lắng nghe nhu cầu, nguyện vọng của người học

5.2.3. Các chỉ tiêu

- Xây dựng kế hoạch hoạt động cho công tác sinh viên
- Triển khai các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế, kỳ thi học thuật, phát triển toàn diện kỹ năng của người học
- Mời chuyên gia tư vấn hướng nghiệp

5.3. Công tác sinh viên

5.3.1. Mục tiêu cụ thể

Nâng cao chất lượng dịch vụ cho người học.

5.3.2. Nhóm giải pháp

- Xây dựng kế hoạch hoạt động cho công tác phục vụ sinh viên của khoa từ công tác tổ chức tiếp nhận sinh viên, hướng dẫn học tập từ năm nhất đến năm cuối
- Phát triển hoạt động ngoại khóa, các kỳ thi học thuật hỗ trợ phát triển khả năng toàn diện của người học
- Có kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên hàng năm
- Có kế hoạch và biện pháp cụ thể theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.
- Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và làm đúng chuyên ngành
- Phát triển Hội cựu sinh viên
- Liên hệ mật thiết với nhà tuyển dụng

5.3.3. Các chỉ tiêu

- Mỗi năm xây dựng 1 kế hoạch hoạt động cho công tác phục vụ sinh viên của khoa từ công tác tổ chức tiếp nhận sinh viên, hướng dẫn học tập từ năm nhất đến năm cuối.
- Hoạt động ngoại khóa, các kỳ thi học thuật hỗ trợ phát triển khả năng toàn diện của người học mỗi năm
- Mỗi năm ít nhất 1 kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên hàng năm
- Có kế hoạch và biện pháp cụ thể theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.
- Mỗi năm khoa Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và làm đúng chuyên ngành
- Mỗi năm có 1 chương trình cho cựu sinh viên
- Định kỳ 2 năm tổ chức Hội nghị nhà tuyển dụng

5.4. Văn hóa đại học

5.4.1. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng hình ảnh sinh viên Khoa Đô thị học

5.4.2. Nhóm giải pháp

- Có quy ước về ứng xử văn hoá trong Nhà trường và thực hiện tốt việc giáo dục văn hoá, thẩm mỹ, truyền thống khoa trong SV và cựu SV.

5.4.3. Các chỉ tiêu

- Tổ chức các chương trình truyền thống: thể thao, cắm trại, đón – tiễn sinh viên....

- Tổ chức phong trào sinh viên tình nguyện
- Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp, cập nhật danh sách cựu sinh viên,...

6. Chương trình Cơ sở vật chất, Tài chính

6.1. Mục tiêu chung

Sử dụng hiệu quả phòng Nghiên cứu - Thông tin Đô thị và phòng Thiết kế - Thực hành Đô thị

6.2. Cơ sở vật chất

6.2.1. Mục tiêu cụ thể

- Sử dụng hiệu quả các phòng chức năng
- Phục vụ công tác học tập và thực hành của sinh viên theo đúng yêu cầu đặt ra

6.2.2. Nhóm giải pháp

- Xây dựng chương trình hoạt động năm 2016 cho hai phòng kể trên
- Bố trí cán bộ chuyên trách trực và hỗ trợ sinh viên thực hành

6.3. Tài chính

6.3.1. Mục tiêu cụ thể

- Sử dụng hiệu quả và đúng mục đích kinh phí do nhà trường cấp hàng năm
- Tăng nguồn thu của đơn vị

6.3.2. Nhóm giải pháp

- Tăng cường các hoạt động chuyên môn có thu như hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc thực hiện các đề tài
- Mở rộng các loại hình đào tạo

7. Chương trình Đảm bảo chất lượng

7.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo chất lượng Đại học và Sau đại học, hướng đến kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn AUN.

7.2. Đại học

7.2.1 Mục tiêu cụ thể

- Định hướng phát triển theo cấp độ khu vực Đông Nam Á, ngang bằng với hai khoa Đô thị học của Đại học Tổng hợp Malaysia và Đại học Chulalongkorn vào năm 2020.
- Phân đầu đưa công tác quản lý đơn vị và sinh viên theo hướng chuyên nghiệp hóa.
- Phân đầu nâng cao trình độ giảng viên đạt chuẩn của đại học trọng điểm quốc gia, đặc biệt chú trọng về ngoại ngữ và chuyên môn sâu.

7.2.2 Nhóm giải pháp

- Rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo: Thực hiện kế hoạch khảo sát, đánh giá và điều chỉnh chuẩn đầu ra cho môn học; Chuẩn hóa mã môn học, tên môn học và số tín chỉ cho từng môn học.
- Xem xét và điều chỉnh quá trình đào tạo: Tiếp tục thực hiện đầy đủ kế hoạch dự giờ và khảo sát môn học theo kế hoạch gửi Phòng KT&ĐBCL; Thực hiện nghiêm túc việc ra đề thi, chấm thi và trả điểm thi; Xử lý kịp thời các phản hồi có liên quan do Phòng KT&ĐBCL cung cấp.
- Theo dõi và điều chỉnh công tác hỗ trợ - phục vụ người học: Công tác cố vấn học tập, công tác chủ nhiệm, giờ tiếp sinh viên,...; Công tác hoạt động ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, huấn luyện kỹ năng mềm thông qua các hoạt động thực tập thực tế và thực tập tốt nghiệp, tư vấn thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn viết báo cáo NCKH, hướng dẫn kỹ năng viết báo; Thông qua website chính thức của Khoa và Phòng Nghiên cứu và Thực hành đô thị, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về các quy chế, hướng dẫn, dịch vụ, trang thiết bị học tập, hỗ trợ đời sống.
- Nâng cao chất lượng giảng viên và nhân viên hỗ trợ: Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng viên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tin học và ngoại ngữ.
- Cập nhật cơ sở dữ liệu cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị; rà soát và chỉnh sửa các quy trình hoạt động cốt lõi và biểu mẫu của đơn vị: Chuẩn hóa các quy trình hoạt động và biểu mẫu liên quan đến hoạt động của đơn vị.

7.2.3 Các chỉ tiêu

- 2016 : Viết báo cáo tự đánh giá chuẩn AUN tiêu chuẩn 1,2 ,3,4
- 2017: Viết báo cáo tự đánh giá chuẩn AUN tiêu chuẩn 5,6,7,8
- 2018: Viết báo cáo tự đánh giá chuẩn AUN tiêu chuẩn 9,10,11
- 2019: Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo Đại học chính quy
- 2020: Đăng ký đánh giá nội bộ 01 chương trình đào tạo (Đại học chính quy)

7.3. Sau đại học

7.3.1. Mục tiêu cụ thể

- Đa dạng nguồn học viên đăng ký tham gia chương trình cao học.
- Tăng số lượng học viên trong khóa 2016-2018.
- Đa dạng chủ đề nghiên cứu cho học viên thực hiện luận văn.
- Có học viên tốt nghiệp và hoàn thành chương trình học.
- Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trong khóa 2016-2018.

7.3.2. Nhóm giải pháp

- Thông báo chương trình học và thông tin tuyển sinh đến cựu sinh viên khoa, Sở Nội vụ các tỉnh thành và 24 quận huyện tại TP.Hồ Chí Minh để nguồn học viên được đa dạng hơn, bao gồm: cựu sinh viên và các cán bộ phụ trách công tác quản lý đô thị có kinh nghiệm thực tế.
- Khảo sát nhu cầu của các ngành gần với ngành Đô thị học để làm đơn trình lên Hiệu trưởng và Phòng Sau đại học bổ sung thêm một số ngành gần có nhu cầu học chương trình đào tạo sau đại học của Khoa để nguồn học viên được đa dạng hơn.
- Tăng cường thông tin và phổ biến thông tin tuyển sinh trên website khoa, gửi mail đến cựu sinh viên, gửi công văn đến Sở Nội vụ của các tỉnh/thành và 24 quận huyện của TP.Hồ Chí Minh.
- Đề xuất chính sách mở cho đầu vào tuyển sinh của ngành. Ví dụ: nợ bằng ngoại ngữ đến đầu ra nộp hoặc thay đổi môn thi cơ bản đầu vào không là môn Triết để học viên có cơ hội đậu cao hơn.
- Đề xuất chương trình học ngoài giờ hành chính. Ví dụ: Tổ chức học vào thứ bảy, chủ nhật và buổi tối để các học viên đang công tác tại các cơ quan hành chính có điều kiện học tập thuận lợi hơn.
- Nắm thông tin chủ đề nghiên cứu trong luận văn của học viên kịp thời để hướng dẫn và gợi ý cho học viên có những định hướng nghiên cứu mới và đa dạng các chủ đề.
- Khuyến khích học viên và giảng viên nghiên cứu những chủ đề mới.
- Khuyến khích các học viên thực hiện luận văn đúng tiến độ.
- Thông tin các yêu cầu để tốt nghiệp cho học viên chuẩn bị tốt nghiệp đúng tiến độ của chương trình.
- Khảo sát lấy ý kiến học viên về chương trình đào tạo các khóa 2014-2016 và khóa 2015-2017 để đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của khoa.
- Tổ chức xin ý kiến của giảng viên phụ trách môn dạy của chương trình đào tạo sau đại học khóa 2014 và khóa 2015 để xây dựng kế hoạch cho chương trình 2016.
- Rà soát chương trình đào tạo khóa 2014 và khóa 2015 để cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo của khoa trong khóa 2016 dựa trên ý kiến đóng góp của học viên và giảng viên phụ trách.

7.3.3. Các chỉ tiêu

- Có hơn thêm 5 ngành học gần được bổ sung vào danh sách các ngành gần được tham gia tuyển sinh vào ngành Đô thị học.

- Tăng thêm 30% số lượng học viên đầu trong khóa 2016-2018
- Có 50% các chủ đề nghiên cứu luận văn thuộc các lĩnh vực khác nhau.
- Trong năm 2016 có 7 học viên được tốt nghiệp và hoàn thành chương trình học đúng tiến độ khóa 2014-2016.
- 90% các môn học trong chương trình đào tạo được học viên và giảng viên đánh giá tốt.

IV.LOGFRAME KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC KHOA ĐÔ THỊ HỌC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu chung Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của xã hội và hội nhập trong khu vực.						
2. Mục tiêu cụ thể - Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và điều hành đơn vị. - Nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đạt chuẩn AUN. - Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. - Nâng cao chất lượng dịch vụ cho người học.						
2.1 Mục tiêu: Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và điều hành đơn vị.						
2.1.1 Giải pháp - Phát triển đội ngũ giảng viên theo quy mô sinh viên và yêu cầu của chương trình đào tạo. - Hoàn chỉnh quy định, quy trình hoạt động tại đơn vị và cập nhật hàng năm. - Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch						
2.1.2 Chỉ tiêu						
Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Điều kiện
Số lượng sinh viên/giảng viên	18	15	15	15	12	
Số lượng giảng viên là tiến sĩ	4	5	6	7	8	
Số lượt giảng viên	10	12	14	16	18	

tham gia đào tạo/huấn luyện ngắn hạn (lượt/năm)						
Quy trình/Quy định được xây dựng hoàn chỉnh	Quy định trong công tác hành chính và quản lý nhân sự, Quy trình quản lý người học và cựu sinh viên	Quy định/quy trình trong quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học	Cập nhật các quy trình	Cập nhật các quy trình	Cập nhật các quy trình	
Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch/chiến lược (báo cáo/năm)	1	1	1	1	1	

2.2 Mục tiêu: Nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đạt chuẩn AUN.

2.2.1 Giải pháp

- Chuẩn hóa chương trình đào tạo đại học theo hướng tiên tiến, đáp ứng chuẩn đầu ra, nâng cao kiến thức – kỹ năng – thái độ cho người học.
- Rà soát và chuẩn hóa chương trình đào tạo sau đại học.
- Đa dạng hóa các hệ và loại hình đào tạo.
- Cải tiến phương pháp dạy và học tích cực, tạo điều kiện để người học phát triển tốt nhất năng lực.
- Đảm bảo tư liệu học tập, không gian học tập và môi trường học tập thuận lợi.
- Đẩy mạnh công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo.

2.2.2 Chỉ tiêu						
Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Điều kiện
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học hoàn thiện		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau đại học hoàn thiện		Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau đại học hoàn thiện	
Điều chỉnh chương trình đào tạo đại học	Chương trình đào tạo Cử nhân Đô thị học sau điều chỉnh		Chương trình đào tạo Cử nhân Đô thị học sau điều chỉnh		Chương trình đào tạo Cử nhân Đô thị học sau điều chỉnh	
Xây dựng đề cương chi tiết môn học theo mẫu AUN	80%	90%	100%	100%	100%	
Điều chỉnh chương trình đào tạo sau đại học		Chương trình đào tạo sau đại học hoàn thiện		Chương trình đào tạo sau đại học hoàn thiện		
Chương trình đào tạo Tiến sĩ				Xây dựng đề án đào tạo Tiến sĩ ngành Đô Thị Học	Tuyển sinh	
Các hệ và loại hình đào tạo		Vừa học vừa làm				

Đánh giá chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA	Xây dựng hệ thống minh chứng Viết báo cáo tự đánh giá	Xây dựng hệ thống minh chứng Viết báo cáo tự đánh giá	Hệ thống minh chứng hoàn chỉnh Báo cáo tự đánh giá hoàn chỉnh	Đánh giá nội bộ chương trình đào tạo theo AUN-QA		
Xuất bản giáo trình môn học	1	1	1	1	1	

2.3 Mục tiêu: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên

2.2.1 Giải pháp

- Tăng tỷ lệ giảng viên tham gia báo cáo khoa học ở các hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế.
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học
- Gia tăng tỷ lệ giảng viên tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học các cấp.
- Tăng số lượng công bố khoa học của giảng viên.
- Tổ chức hội thảo cấp trường/cấp quốc gia và quốc tế.

2.2.2 Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Điều kiện
Tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học các cấp	60%	60%	65%	65%	70%	
Số lượng công bố khoa học trên giảng	2	2	2	2	2	

viên hàng năm (bài báo/giảng viên)						
2.4 Mục tiêu: Nâng cao chất lượng dịch vụ cho người học.						
2.4.1 Giải pháp						
- Xây dựng kế hoạch hoạt động cho công tác phục vụ sinh viên của khoa từ công tác tổ chức tiếp nhận sinh viên, hướng dẫn học tập từ năm nhất đến năm cuối - Phát triển hoạt động ngoại khóa, các kỳ thi học thuật hỗ trợ phát triển khả năng toàn diện của người học - Phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong việc chỉ đạo, tổ chức phong trào SV tình nguyện và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong SV - Có quy ước về ứng xử văn hoá trong Nhà trường và thực hiện tốt việc giáo dục văn hoá, thẩm mỹ, truyền thống khoa trong SV và cựu SV. - Có kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên hàng năm - Định kỳ tiếp xúc với sinh viên để tiếp nhận ý kiến đóng góp và lắng nghe nhu cầu, nguyện vọng của người học - Có kế hoạch và biện pháp cụ thể theo dõi tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp và làm đúng chuyên ngành - Phát triển Hội cựu sinh viên - Liên hệ mật thiết với nhà tuyển dụng						
2.4.2 Chỉ tiêu						
Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Điều kiện
Xây dựng kế hoạch hoạt động cho công tác phục vụ sinh viên của khoa hàng năm	1	1	1	1	1	

Có văn bản quy định cụ thể công tác giáo vụ, cố vấn học tập, trợ lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm và nhiệm vụ của Ban cán sự lớp, BCH Đoàn, hội	5 văn bản	Cập nhật các quy định	Cập nhật các quy định	Cập nhật các quy định	Cập nhật các quy định	
Phát triển hoạt động ngoại khóa: Tham quan thực tập thực tế, kỳ thi học thuật hỗ trợ phát triển khả năng toàn diện của người học	5	6	7	8	9	
Hợp định kỳ hàng tháng với tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhằm chỉ đạo, tổ chức phong trào SV tình nguyện và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền trong SV	9	9	9	9	9	
Báo cáo Kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch của Đoàn	9	9	9	9	9	

Thanh niên, Hội Sinh viên						
Tổ chức các hoạt động đón tân sinh viên, tiễn SV tốt nghiệp	2	2	2	2	2	
Mời chuyên gia, nhà tuyển dụng đến tư vấn cho sinh viên hàng năm	1	1	1	1	1	
Báo cáo từng học kỳ về kết quả tư vấn, hướng nghiệp cho sinh viên của cố vấn học tập	2	2	2	2	2	
Họp định kỳ với sinh viên để tiếp nhận ý kiến đóng góp và lắng nghe nhu cầu, nguyện vọng của người học.	6	6	6	6	6	
Khoa tự Thống kê và cập nhật số lượng sinh viên tốt nghiệp và làm đúng chuyên ngành	1	1	1	1	1	

Hợp mặt hội cựu sinh viên mỗi năm	1	1	1	1	1	
Khảo sát nhà tuyển dụng	1	1	1	1	1	
Tổ chức Hội nghị nhà tuyển dụng	0	1	0	1	0	

2.5 Mục tiêu: Tăng cường kết nối, hội nhập, trao đổi với các trường trong khu vực và quốc tế.

2.5.1 Giải pháp

- Tăng số lượng trao đổi sinh viên, giảng viên với các trường trong khu vực
- Tăng số lượng giảng viên học nâng cao trình độ ở nước ngoài
- Tích cực mời các học giả nước ngoài báo cáo chuyên đề cho sinh viên và cán bộ khoa
- Tổ chức hội thảo quốc tế
- Tăng số lượng bài viết cho các hội thảo quốc tế của giảng viên trong khoa
- Tăng số lượng tham gia mạng lưới nghiên cứu đô thị quốc tế

2.5.2 Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Điều kiện
Số lượng trao đổi sinh viên với các trường trong khu vực	3	3	3	3	3	
Số lượng trao đổi giảng viên với các trường trong khu vực	3	3	3	3	3	

Số lượng báo cáo chuyên đề của các học giả nước ngoài cho sinh viên và cán bộ khoa	2	3	3	4	4	
Tổ chức hội thảo quốc tế 2 năm 1 lần	1	0	1	0	1	
Số lượng bài viết cho các hội thảo quốc tế của giảng viên trong khoa	4	5	6	7	8	